

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 555/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh: Lê Văn T, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Chị: Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1995

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Trần Thị Ngọc L tự nguyện kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Phước Thạnh huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không phù hợp. Mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn nên anh T, chị L đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay anh T và chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không thể tồn tại nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của anh chị. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn của anh T và chị L..

[2] Về con chung: Anh T, chị L có một con chung tên Lê Phúc V, sinh ngày 09/3/2013. Sau khi ly hôn, anh T được quyền nuôi con chung. Anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Anh T, chị L khai không có.

[4] Về nợ chung: Anh T, chị L khai không có.

[5] Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm anh T, chị L mỗi bên nộp 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng. Anh T tự nguyện nộp thay lệ phí cho chị L.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Trần Thị Ngọc L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, anh T được quyền nuôi con chung là Lê phúc V sinh ngày 09/3/2013. Anh T không yêu cầu chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận.

Chị L được quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích con chung sau này một hoặc cả hai bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh T, chị L khai không có.

- Về nợ chung: Anh T, chị L khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh T, chị L mỗi bên nộp 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng. Anh T đồng ý nộp thay lệ phí cho chị L. Tổng lệ phí anh T phải nộp là 300.000 đồng được khấu trừ theo biên lai thu số 0001233 ngày 08/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Anh T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

\* Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Đỗ Thị Phụng**